

TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ĐẾN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THUẾ

1. Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập (hay liên kết) kinh tế quốc tế được hiểu là quá trình các nền kinh tế thế giới kết hợp với nhau một cách có hiệu quả và phụ thuộc lẫn nhau. Hội nhập kinh tế quốc tế được coi là một khâu trong quá trình phát triển và là tiền đề của sự phát triển bền vững. Trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, không nước nào có thể phát triển nếu không có chuyên môn hóa sản xuất và tham gia vào phân công lao động quốc tế. Điều đó làm cho các nền kinh tế đan xen và phụ thuộc mạnh mẽ lẫn nhau. Hội nhập kinh tế quốc tế do vậy không chỉ mang lại lợi ích cho các nước mà còn đặt các nền kinh tế các quốc gia trước những thách thức về những biến động tiêu cực của thị trường, tài chính và kinh tế toàn cầu.

Hội nhập kinh tế quốc tế có hai cấp độ chính là toàn cầu và khu vực. Ở phạm vi toàn cầu có các tổ chức điều phối kinh tế toàn cầu như Tổ chức Thương mại Thế giới. Ở cấp khu vực có các hình thức hội nhập bao gồm khu vực thương mại tự do, liên minh hải quan, thị trường chung và cộng đồng kinh tế.

Khu vực thương mại tự do là hình thức hội nhập ở cấp độ thấp nhất. Trong khu vực thương mại tự do, các thành viên thỏa thuận cắt giảm thuế quan và các rào cản thương mại khác đối với thương mại hàng hóa. Tuy nhiên, các nước thành viên vẫn độc lập và có quyền tự chủ trong việc áp dụng chính sách thuế quan và phi thuế quan đối với các nước ngoài khối. Các khu vực thương mại tự do tiêu biểu gồm Khu vực Thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Khu vực Thương mại tự do ASEAN (AFTA), Khu vực Thương mại tự do Châu Mỹ La tinh (LAFTA), Khu vực thương mại tự do các nước Châu Mỹ (FTAA).

Liên minh hải quan là một hình thức liên kết cao hơn khu vực thương mại tự do. Ngoài việc thống nhất cắt giảm thuế quan và các rào cản thương mại khác trong khối, liên minh hải quan còn thiết lập một biểu thuế quan chung áp dụng thống nhất đối với các quốc gia ngoài khối. Một ví dụ điển hình về liên minh hải quan là Liên minh châu Âu (EU).

Thị trường chung là hình thức liên kết ở cấp độ cao hơn nữa. Trong thị trường chung, ngoài việc cắt giảm thuế quan và các rào cản thương mại khác, có

biểu thuế quan chung với ngoài khối, các nước thành viên còn thỏa thuận tự do di chuyển vốn và lao động giữa các thành viên của nó. Các thị trường chung điển hình gồm có Thị trường chung Trung Mỹ (CACM), Cộng đồng và thị trường chung Ca-ri-bê (CARICOM), Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Cộng đồng kinh tế là hình thức liên kết cao hơn thị trường chung. Nó có đặc điểm giống như thị trường chung. Ngoài ra, các nước thành viên còn phối hợp hài hòa các chính sách kinh tế, chính sách thương mại, chính sách xã hội và có thể thiết lập một liên minh tiền tệ. Liên minh Châu Âu là một cộng đồng kinh tế điển hình. Ngoài ra, còn có các cộng đồng kinh tế khác như Cộng đồng Andes (ANCOM), Liên minh Châu Phi (AU)...

Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế đi cùng với toàn cầu hóa đã dẫn tới các nguồn lực như vốn, công nghệ, lao động... của khu vực tư nhân được chuyển dịch dưới tác động của quy luật cung cầu thị trường, đã vượt ra khỏi biên giới của một quốc gia, góp phần thúc đẩy hơn nữa thương mại tự do toàn cầu. Hệ quả của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại diễn ra trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Trên phạm vi quốc gia, để tham gia vào nền kinh tế thế giới một cách hiệu quả, hầu hết các nước phải điều chỉnh chính sách thuế và pháp luật thuế cho phù hợp với những quy định quốc tế. Đáng lưu ý, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, mặc dù hàng rào bảo hộ truyền thống như thuế quan, liên minh thuế quan đang dần được dỡ bỏ, song những biện pháp phi thuế quan gây trở ngại cho thông thương ngày càng trở nên đa dạng và được sử dụng nhiều hơn. Việc các nước phát triển áp dụng những tiêu chuẩn về lao động, về vệ sinh an toàn sản phẩm hoặc gắn thương mại với các điều kiện về chính trị, xã hội là một trong số những biểu hiện điển hình của các biện pháp nhằm hạn chế thương mại tự do.

Trên phạm vi quốc tế, dưới tác động của hội nhập kinh tế quốc tế, các nước trở nên phụ thuộc lẫn nhau ở mức độ sâu và rộng hơn, nảy sinh những vấn đề như đánh thuế trùng giữa các nước, tạo rào cản cho nguồn vốn FDI, hoặc cạnh tranh thuế giữa các nước để thu hút FDI. Vì vậy xuất hiện nhu cầu phải thương lượng, hợp tác nhiều hơn trong các vấn đề như kiểm soát các luồng vốn, thúc đẩy và giải quyết tranh chấp thương mại, hợp tác về lao động, đầu tư. Hệ thống thể chế quốc tế do đó phải được củng cố, bổ sung và ngày càng tham gia nhiều hơn vào việc xử lý các vấn đề toàn cầu. Trên thực tế đó là sự xuất hiện mới và

cải tổ của hàng loạt các thể chế kinh tế quốc tế, trong đó có Liên Hợp Quốc và các cơ quan trực thuộc, các tổ chức phi chính phủ, các thể chế thương mại như WTO, các tổ chức tài chính như IMF, WB, ... Các hiệp định thương mại song phương, đa phương, các nhóm liên kết lợi ích, các hiệp hội nghề nghiệp ra đời nhằm từng bước tiếp cận với các vấn đề đang nảy sinh trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Mỗi loại hình tổ chức này có chức năng chuyên môn và vai trò riêng đồng thời cũng có sự liên kết, tương tác với nhau giữa các tổ chức này trong các vấn đề toàn cầu. Đặc biệt, các tổ chức này có vai trò rất lớn trong thúc đẩy việc hợp tác về thuế giữa các nước, giải quyết những tranh chấp về thuế theo luật pháp quốc tế.

Tóm lại, đứng trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, các nước phải mở cửa cho dòng vốn đầu tư và tự do hoá thương mại. Điều này chắc chắn sẽ dẫn đến rất nhiều vấn đề phức tạp đặt ra cho công tác quản lý thuế. Vậy các nước này nên thiết kế hệ thống thuế như thế nào cho phù hợp?

2. Cấu trúc thuế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

Cấu trúc thuế vốn rất khác nhau giữa các nước nhưng dưới một nền kinh tế toàn cầu và sự ảnh hưởng mạnh mẽ của hội nhập kinh tế quốc tế nó cũng đi đến một số điểm chung nhất định. Cấu trúc thuế ở từng nước được phản ánh qua tỷ lệ thu thuế trên GDP, tỷ trọng doanh thu các sắc thuế, và xu hướng phát triển của từng loại thuế.

Tỷ lệ thuế trên GDP rất đa dạng giữa các nước. Tuy nhiên, nó có xu hướng chung là những nước nhỏ và thu nhập thấp thì tỷ lệ này thấp và ngược lại. Tỷ lệ này phụ thuộc vào mức thu nhập bình quân đầu người, điều kiện và vị trí địa lý, mô hình tổ chức bộ máy hành chính, nhu cầu sử dụng dịch vụ công và khả năng thu thuế. Ví dụ các nước có nguồn tài nguyên giàu có như Vênêzuêla, Azebaizan thì tỷ lệ này khá cao so với các nước khác. Hoặc các nước có mô hình chính quyền tập trung như Thụy Điển và Đan Mạch, tỷ lệ này cao hơn các nước có mô hình liên bang như Mỹ và Thụy Sĩ. Ở một chừng mực nào đấy, các nước dường như bị ảnh hưởng bởi hành vi của các nước láng giềng. Mặc dù sự giống nhau này cũng có thể phản ánh nhiều nhân tố khác như kinh tế, văn hóa, lịch sử... Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, hội nhập kinh tế quốc tế có một ảnh hưởng nhất định đến các nước vì nó khiến các nước phải đi đến một cấu trúc thuế tương đương. Ví dụ: tỷ lệ thuế trên GDP ở Châu Âu mà đặc biệt là Bắc Âu thường cao hơn so

với những vùng khác trong khi tỷ lệ này ở lại thấp hơn ở Châu Á. Điều thú vị là tỷ lệ thuế trên GDP ở các nước châu Phi lại đa dạng hơn so với các châu lục khác.

Tỷ trọng doanh thu các sắc thuế cũng khác nhau giữa các nước. Tỷ trọng này giống như tỷ lệ thuế trên GDP, phụ thuộc vào nhiều nhân tố như cấu trúc thuế ở các nước láng giềng, cấu trúc kinh tế của quốc gia đó và lịch sử của đất nước...Ngoài ra, các nước khác nhau có thể quan tâm đến những tính chất khác nhau của hệ thống thuế như tính công bằng, hiệu quả kinh tế, chi phí thu thuế. Tỷ trọng nguồn thu từ các sắc thuế cũng phụ thuộc vào vị trí địa lý và thu nhập bình quân đầu người. Những quốc đảo nhỏ như Bahamas và Saint Vincent có nguồn thu chủ yếu từ hoạt động thương mại quốc tế. Còn những nước có thu nhập bình quân đầu người cao, thuế trực thu chiếm tỷ trọng lớn mà đặc biệt là thuế thu nhập cá nhân. Các nước đang phát triển chú trọng vào thuế tiêu dùng nhiều hơn là các nước phát triển. Khi mức thu nhập quốc dân tăng, tỷ trọng nguồn thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu có xu hướng giảm. Nói chung, thuế trực thu đòi hỏi quản lý thuế hiện đại nên phù hợp ở các nước phát triển. Ở các nước có GDP bình quân đầu người cao, thuế gián thu phổ biến là thuế giá trị gia tăng. Ở các nước có thu nhập quốc dân thấp, thuế gián thu chủ yếu dựa vào thuế tiêu thụ đặc biệt đánh trên sản xuất thuốc lá, rượu bia và xăng dầu.

Những năm gần đây, cấu trúc thuế có những thay đổi đáng kể. Thay đổi dễ nhận thấy là sự tăng lên về tỷ trọng nguồn thu từ thuế tiêu dùng. Một lý do cho sự gia tăng này là do thuế giá trị gia tăng trở nên phổ biến ở các nước. Tỷ trọng nguồn thu từ thuế trực thu cũng tăng lên, đặc biệt là từ thuế đánh vào thu nhập và tài sản cá nhân. Tỷ trọng nguồn thu từ thuế đánh vào thương mại quốc tế có xu hướng giảm.

3. Những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến quản lý thuế

3.1. Gia tăng hợp tác thuế giữa các nước

Hội nhập kinh tế quốc tế dẫn đến sự dịch chuyển mạnh mẽ của nguồn vốn và lao động. Đầu tư trực tiếp nước ngoài gia tăng nhanh chóng. Các công ty đa quốc gia ngày càng bành trướng và tỏ rõ tầm ảnh hưởng quan trọng của mình đến nền kinh tế thế giới. Đi liền với đó là hiện tượng đánh thuế trùng gia tăng do một công ty có thể có nhiều cơ sở thường trú, một cá nhân có thể mang nhiều

quốc tịch. Vì vậy nhu cầu hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau về thuế giữa các nước nhằm loại bỏ hiện tượng trùng thuế và tăng cường quản lý trốn thuế nảy sinh.

Vào đầu thập kỷ 20 của thế kỷ 20, Hội Quốc Liên bắt đầu đóng một vai trò hàng đầu trong việc thúc đẩy hợp tác quốc tế về thuế trực thu. Cơ chế chủ yếu của hợp tác thuế là Hiệp định Thuế thu nhập song phương. Năm 1928, Hội Quốc Liên xuất bản cuốn Hiệp định Thuế mẫu quốc tế quan trọng đầu tiên. Hiệp định này nhận biết tầm quan trọng của việc chia sẻ quyền đánh thuế giữa nước nguồn và nước cư trú. Nó không giới hạn các phương pháp mà các nước ký kết có thể sử dụng để ngăn chặn thuế trùng. Nó đưa ra các giải pháp để đạt được một sự chia sẻ doanh thu thuế hợp lý từ các hoạt động xuyên biên giới.

Sau khi được thành lập vào năm 1945, Liên Hợp Quốc cố gắng xem xét lại công việc của Liên Đoàn các quốc gia về hiệp định thuế. Năm 1946, Ủy ban các vấn đề tài khóa của Liên Hợp Quốc họp ở Luân Đôn, Anh thông qua một dự thảo mới, được đề cập chủ yếu dưới tên gọi dự thảo thuế mẫu Luân Đôn. Dự thảo Luân Đôn cho phép một doanh nghiệp cư trú ở một nước ký kết có cơ sở thường trú ở một nước khác thì nước khác đó có quyền đánh thuế thu nhập doanh nghiệp trên bất cứ phần lợi tức kinh doanh nào của nó. Dự thảo Luân Đôn cũng hạn chế đáng kể quyền đánh thuế đối với thu nhập đầu tư ở nước nguồn. Điều này ngược lại với mong muốn của các nước đang phát triển.

Tuy nhiên, đi đầu trong việc phát triển một Hiệp định thuế thu nhập mẫu là Tổ chức Hợp tác Kinh tế Châu Âu (OEEC). OEEC được sáng lập vào năm 1948 cùng với kế hoạch Marshall để tái thiết nền kinh tế Châu Âu. OEEC trở thành Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD vào năm 1960. Thành viên của OECD được mở rộng gồm các nước công nghiệp lớn của thế giới. OECD đưa ra một dự thảo Hiệp định Thuế thu nhập mẫu vào năm 1963. Hiệp định này dựa chủ yếu vào dự thảo Luân Đôn nhưng nó bao gồm những điểm mới có lợi cho nước xuất khẩu vốn hơn là nước nhập khẩu vốn. Dự thảo 1963 được xem xét lại vào thập kỷ sau. Nó được sửa đổi bổ sung một cách cơ bản vào các năm 1977 và 1992. Hiệp định mẫu OECD tỏ ra hiệu quả trong việc loại bỏ phần lớn các dạng thông thường của thuế trùng. Tuy nhiên nó chưa hiệu quả trong việc loại bỏ trốn và tránh thuế quốc tế.

Nhiều nội dung của mẫu OECD còn khuyến khích tránh thuế quốc tế. Mẫu OECD có điều khoản trao đổi thông tin về các vấn đề thuế giữa các nước ký kết. Mục đích của điều khoản trao đổi thông tin là để giảm trốn và tránh thuế. Tuy nhiên, điều khoản cho phép các nước giảm sự cung cấp thông tin nếu họ có luật bí mật ngân hàng hoặc vì lý do chính sách nào đó. Kết quả là sự trao đổi thông tin chưa thực sự hiệu quả trong nhiều trường hợp.

Năm 1979, Liên Hợp Quốc xuất bản sách Hướng dẫn về đàm phán hiệp định thuế song phương giữa các nước phát triển và đang phát triển. Năm tiếp theo, Liên Hợp Quốc xuất bản cuốn Mẫu Liên Hợp Quốc về Hiệp định tránh đánh thuế trùng giữa nước phát triển và nước đang phát triển (gọi là Mẫu UN). Mẫu Liên Hợp Quốc dựa chủ yếu vào mẫu OECD, nhưng nó khác với mẫu OECD ở một vài điểm. Mẫu UN đưa ra ít hạn chế đối với đặc quyền thu thuế của quốc gia nguồn hơn. Nó mở rộng phạm vi về cơ sở thường trú, tạo khả năng cho quốc gia nguồn đánh thuế đối với thu nhập từ vận tải quốc tế. Mẫu UN có ảnh hưởng rất lớn đến nội dung của hiệp định thuế song phương giữa các nước phát triển và đang phát triển. Những sửa đổi mà Liên Hợp Quốc đưa ra trong điều khoản cơ sở thường trú được chấp nhận rộng rãi. Điều khoản trao đổi thông tin trong mẫu Liên Hợp Quốc có phạm vi rộng hơn Mẫu OECD. Tuy nhiên, trên thực tế các nước đang phát triển có rất ít cơ hội nhận được thông tin từ các nước phát triển về hoạt động của công ty đa quốc gia.

Mặc dù Mẫu OECD và Mẫu UN đã đi sâu vào vấn đề thuế quốc tế được Hội Quốc Liên đề cập tới từ những năm 20 nhưng nói chung chúng vẫn chưa đề cập đến những vấn đề thuế quốc tế quan trọng mới nổi lên gần đây. Ví dụ chưa có mẫu nào đề cập đến sự liên doanh liên kết qua biên giới, các kế hoạch tránh thuế được ủng hộ bởi các công ty kế toán quốc tế, việc chuyển thu nhập sang thiên đường thuế, giao dịch của những công cụ tài chính quốc tế...

Một vấn đề nghiêm trọng đặt ra cho nhiều nước đang phát triển là việc các nước phát triển sẵn sàng thu hút tiền gửi ngân hàng từ những cá nhân nước ngoài trốn thuế. Ví dụ như ở Mỹ, Luật thuế Mỹ cho phép tiền gửi ngân hàng từ các cá nhân nước ngoài không bị đánh thuế. Kết quả là công dân của các nước đang phát triển sẽ chuyển tiền vào ngân hàng Mỹ. Theo hiệp định thuế, khi được yêu cầu, Mỹ phải thông báo cho các bên tham gia hiệp định các thông tin liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại Mỹ của công dân nước ký kết. Tuy nhiên, Mỹ có thể từ chối làm vậy. Nước Mỹ gần đây tỏ ra rằng họ đã sẵn sàng cung cấp

thông tin cho các nước Châu Âu. Tuy nhiên, Mỹ lại sẵn sàng từ chối cung cấp thông tin cho nhiều nước đang phát triển mà họ đã ký kết hiệp định thuế.

3.2. *Thúc đẩy cạnh tranh thuế*

Trong nhiều năm qua, các nước đã sử dụng thuế như một công cụ để cạnh tranh thu hút đầu tư và thúc đẩy nền kinh tế nội địa. Một cách cạnh tranh được quan tâm đáng kể đó là sự ưu đãi về thuế. Miễn thuế tạm thời, giảm thuế suất, cho phép đầu tư và miễn thuế nhập khẩu cho hàng hóa vốn là những dạng thông thường nhất của ưu đãi thuế. Thực tế việc sử dụng ưu đãi thuế ở các nước cho thấy:

- Ưu đãi thuế với hình thức **ngheo nàn** như là miễn thuế tạm thời và giảm thuế suất không hiệu quả trong việc khuyến khích đầu tư và có thể làm tổn thất doanh thu thuế của đất nước.
- Miễn thuế tạm thời không có lợi cho khuyến khích cả đầu tư trong nước và nước ngoài.
- Những ưu đãi tập trung vào đầu tư vốn mới về máy móc và thiết bị có thể là cách làm đắt đỏ để thu hút vốn và những hình thức đầu tư mới.
- Việc kinh doanh chắc chắn phải được đảm bảo rằng chính sách thuế và quản lý thuế là đáng tin cậy và chính sách không thay đổi sau khi ưu đãi thuế được đưa ra.
- Những đặc điểm khác về phát triển kinh tế như cơ sở hạ tầng, hệ thống pháp luật hợp lý và những cơ quan hành chính hoạt động tốt là quan trọng hơn so với ưu đãi thuế.

Ưu đãi thuế chắc chắn phải được sử dụng rất cẩn thận và tiết kiệm để đảm bảo tính hiệu quả của nó và giới hạn sự lạm dụng nó. Khả năng lạm dụng tồn tại cả ở phía công ty và phía chính phủ. Ví dụ, những khu vực dành cho sản xuất hàng xuất khẩu như khu chế xuất đôi khi được thiết kế với những lợi thế đáng kể về thuế. Sự tồn tại của khu vực này thường mở ra một cơ hội dễ dàng cho trốn thuế khi các công ty gian dối bán hàng vào thị trường nội địa. Việc bán một tỷ lệ nhỏ hàng hóa vào thị trường nội địa có thể được chấp nhận nhưng sẽ là rất khó khăn để kiểm soát khi giới hạn này bị vi phạm. Tương tự, việc cho phép những hàng hóa nhập khẩu vào khu vực này không bị đánh thuế có thể bị lợi dụng để đưa hàng vào thị trường nội địa. Về phía chính phủ, việc cấp phép cho ưu đãi

thuế có thể bị lạm dụng khi các quan chức chính phủ nhận hối lộ. Các quan chức chính phủ ở vị trí cấp phép nhượng bộ thuế có thể ưu tiên cho các hãng chưa đủ tiêu chuẩn hoặc đưa ra sự ưu đãi quá mức. Hệ thống thuế phải được thiết kế để hạn chế những hành vi trốn thuế như thế.

Để cạnh tranh, các nước cũng có xu hướng xây dựng thuế suất thuế thu nhập công ty thấp. Trong nhiều trường hợp, các nước tự biến mình thành thiên đường thuế khi cho phép các hãng bị đánh thuế thấp hơn trên những hoạt động kinh tế chủ yếu diễn ra ở các nước khác. Các thiên đường thuế này thường đưa ra thuế suất rất thấp và tìm kiếm các cách thu khác khi các công ty đa quốc gia chuyển thu nhập, ví dụ như một khoản phí. Các nước đang phát triển vừa là nơi áp dụng vừa là nạn nhân của cạnh tranh thuế. Trong một vài trường hợp, các nước đang phát triển cố gắng thu hút đầu tư nước ngoài bằng cách đưa ra những ưu đãi thuế lớn đối với các công ty nước ngoài hoặc đưa ra thuế suất thu nhập công ty thấp bất thường. Một vài những thành công ban đầu với những khuyến khích về thuế này đã thúc đẩy các nước đang phát triển đưa ra những ưu đãi thuế riêng của họ, thậm chí là lớn hơn so với các nước đang phát triển mà họ cạnh tranh thu hút vốn đầu tư. Các công ty đa quốc gia thường châm ngòi hoặc thúc ép các nước đang phát triển tham gia vào cuộc chiến cạnh tranh cho vốn đầu tư. Một số nước đang phát triển tham gia tích cực vào cái mà OECD gọi là cạnh tranh thuế có hại. Những nước này chấp nhận luật bí mật ngân hàng và những quy định khuyến khích trốn và tránh thuế quốc tế. Nhiều công dân của các nước phát triển và nước đang phát triển sử dụng thiên đường thuế để che giấu thu nhập của họ dẫn đến sự mất mát lớn về doanh thu thuế cho chính phủ các nước.

Một giải pháp chống lại cạnh tranh thuế có hại giữa các chính phủ là sự hợp tác về thuế. Hiệp định giữa các nước để hài hòa hóa thuế suất và sau đó cho phép ưu đãi thuế ở một mức độ nhất định sẽ ít dẫn đến cạnh tranh trong những hoạt động kinh tế. Các cam kết đưa ra mức thuế suất cao hơn sẽ hạn chế khả năng một vài quốc gia trở thành thiên đường thuế. Cộng đồng Châu Âu cũng đã bàn thảo về hài hòa hóa thuế suất thuế thu nhập công ty nhưng chưa đạt được một thỏa thuận thậm chí chỉ với một vài nước thành viên. Do vậy, các chính phủ không thể đạt được mức độ hợp tác cao hơn nếu không có sự bảo trợ của một số tổ chức quốc tế đang tồn tại như Liên Hợp Quốc hoặc một vài tổ chức mới thành lập để giải quyết những vấn đề thuế quốc tế.

Một hình thức cạnh tranh thuế nữa được các nước ngày càng quan tâm đó là giảm thiểu những chi phí về thủ tục hành chính thuế. Đây có vẻ là cách cạnh tranh thuế tích cực nhất. Hiện đại hóa hệ thống thuế, minh bạch, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm thời gian doanh nghiệp làm các thủ tục về thuế và các nghĩa vụ với ngân sách là hình thức cạnh tranh rất lành mạnh. Từ đó thứ hạng cạnh tranh về thuế của quốc gia sẽ được cải thiện, uy tín của Chính phủ được nâng cao, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đều được lợi với cách cạnh tranh này. Vì vậy, đây là hình thức cạnh tranh cần được khuyến khích. Để xếp hạng cạnh tranh về thuế giữa các nước trên thế giới, Công ty Tài chính Quốc tế IFC đã xây dựng chỉ tiêu xếp loại mức độ thuận tiện trong việc trả thuế. Chỉ tiêu này được tổng hợp từ 3 chỉ số khác nhau. Thứ nhất là chỉ số về số lần thanh toán thuế và các nghĩa vụ khác với nhà nước trong năm. Thứ hai là chỉ số về thời gian doanh nghiệp làm các thủ tục về thuế và các nghĩa vụ khác với nhà nước. Thứ ba là chỉ số về tổng thuế suất (Total Tax Rate). Nó là tỷ lệ % giữa tổng thuế và các nghĩa vụ khác doanh nghiệp phải thực hiện với nhà nước trên tổng lợi tức kinh doanh.

3.3. Thay đổi chính sách thuế và quản lý thuế

Thương mại tự do là xu thế chủ đạo của hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, việc dỡ bỏ hàng rào thuế quan là một phần việc tất yếu mà các nước theo đuổi tự do hóa thương mại phải làm. Tất nhiên sẽ có những ảnh hưởng của việc giảm thuế nhập khẩu. Ngoài việc doanh thu thuế bị mất trực tiếp từ việc cắt giảm thuế, một nước đang phát triển cũng có thể mất mát doanh thu một cách gián tiếp ít nhất là trong ngắn hạn. Mặt khác, những nhà sản xuất được bảo hộ trước đây có thể bị mất thị phần vì hàng nhập khẩu, do đó giảm lợi nhuận và thuế thu nhập nộp ngân sách.

Thuế quan chiếm khoảng một phần tư doanh thu thuế ở các nước có thu nhập thấp nhưng chiếm chưa đến một phần mười ở các nước có thu nhập cao. Các nhà kinh tế đưa ra giả thiết rằng đánh thuế tiêu dùng đối với hàng ngoại nhập có lợi hơn là đánh thuế nhập khẩu, ví dụ thuế GTGT. Thuế GTGT sẽ mang lại nguồn thu cho chính phủ bằng hoặc thậm chí lớn hơn là thuế nhập khẩu. Với thuế GTGT, các nhà sản xuất nội địa sẽ có thể sản xuất ra hàng hóa với giá trị cao hơn tại mức giá cả thế giới. Trong khi, nếu sử dụng thuế nhập khẩu, các quyết định sản xuất của các nhà sản xuất nội địa sẽ bị ảnh hưởng lớn bởi các mức thuế suất thuế nhập khẩu là đa dạng và thường xuyên thay đổi. Ngoài ra,

những mất không đối với người tiêu dùng sẽ có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn khi sử dụng thuế tiêu dùng nhưng nước càng lớn thì lợi ích của việc chuyển sang đánh thuế tiêu dùng đối với hàng ngoại nhập càng lớn.

Không chỉ gỡ bỏ hàng rào thuế quan, khi hội nhập trên các sân chơi lớn như WTO, các nước còn phải thực hiện các nguyên tắc, các quy định cơ bản của các tổ chức này. Vì vậy, chính sách thuế và chính sách quản lý thuế phải bổ sung, chỉnh sửa. Từ đó nó có những tác động nhất định đến công tác quản lý thuế.

3.4. Quản lý chặt chẽ hơn đối với hiện tượng trốn và tránh thuế quốc tế

a) Vấn đề giá chuyển nhượng

Giá chuyển nhượng là một thuật ngữ quốc tế chung phản ánh về cách tính giá trong các giao dịch kinh tế nội bộ giữa các bên trong một tập đoàn công ty đa quốc gia. Do tính chất là giao dịch nội bộ nên việc tính giá của bên bán và bên mua mặc dù được thể hiện bằng hóa đơn hợp pháp nhưng cơ sở tính giá thường không phản ánh đúng tính kinh tế như các giao dịch giữa các bên độc lập theo nguyên tắc giao dịch độc lập hay giá thị trường cạnh tranh (là mức giá giữa người mua và người bán tự nguyện trên cơ sở người mua muốn mua rẻ, người bán muốn bán đắt). Xuất phát từ quan hệ phụ thuộc về kinh tế giữa các thành viên trong một tập đoàn, mức giá tính cho các giao dịch liên kết thường làm sao cho có lợi nhất về kinh tế, tức là giảm tối thiểu chi phí phải bỏ ra để tối đa hóa lợi nhuận, trong đó thuế là một yếu tố chi phí quan trọng. Chính vì vậy, các công ty đa quốc gia thường có xu hướng dồn thu nhập về nơi có thuế thấp (hoặc không có thuế) và đẩy chi phí về nơi có thuế cao mà một công cụ hữu hiệu để hợp pháp hóa là sử dụng giá chuyển nhượng. Trong điều kiện mở cửa kinh tế, tự do hóa thương mại và đầu tư, nếu không có quy định pháp lý về cách tính giá trong giao dịch giữa các bên liên kết, các bên có chung lợi ích kinh tế thì giá chuyển nhượng sẽ là công cụ hữu hiệu để các công ty đa quốc gia trốn thuế và tránh thuế một cách hợp pháp.

Do đặc điểm của giá chuyển nhượng là không được thương lượng trong điều kiện thị trường cạnh tranh mà gắn với với mối quan hệ liên kết (tức là một doanh nghiệp tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hay góp vốn vào một doanh nghiệp khác hoặc cả hai doanh nghiệp cùng chịu sự kiểm soát, điều hành hay góp vốn của một đối tượng khác) giữa bên giao và bên nhận nên thường xảy ra việc lợi dụng về giá để tính thu nhập và chi phí không

hợp lý nhằm mục đích giảm thu nhập chịu thuế để giảm thiểu nghĩa vụ thuế của bên giao (hoặc bên nhận).

Vì bên giao và bên nhận đều cùng một tập đoàn nên thu nhập chung của tập đoàn không thay đổi (có thể ví như thu nhập được chuyển từ tay trái sang tay phải) trong khi đó bên giao và bên nhận thường là những đối tượng chịu thuế tại các nước khác nhau hoặc có những nghĩa vụ thuế khác nhau (ví dụ: một bên được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế; một bên phải nộp thuế bình thường) nên giá chuyển nhượng được coi là một lĩnh vực có thể gây rủi ro lớn về thuế đối với các nước có chế độ thuế thu nhập công ty hoặc có chế độ quản lý ngoại hối chặt chẽ.

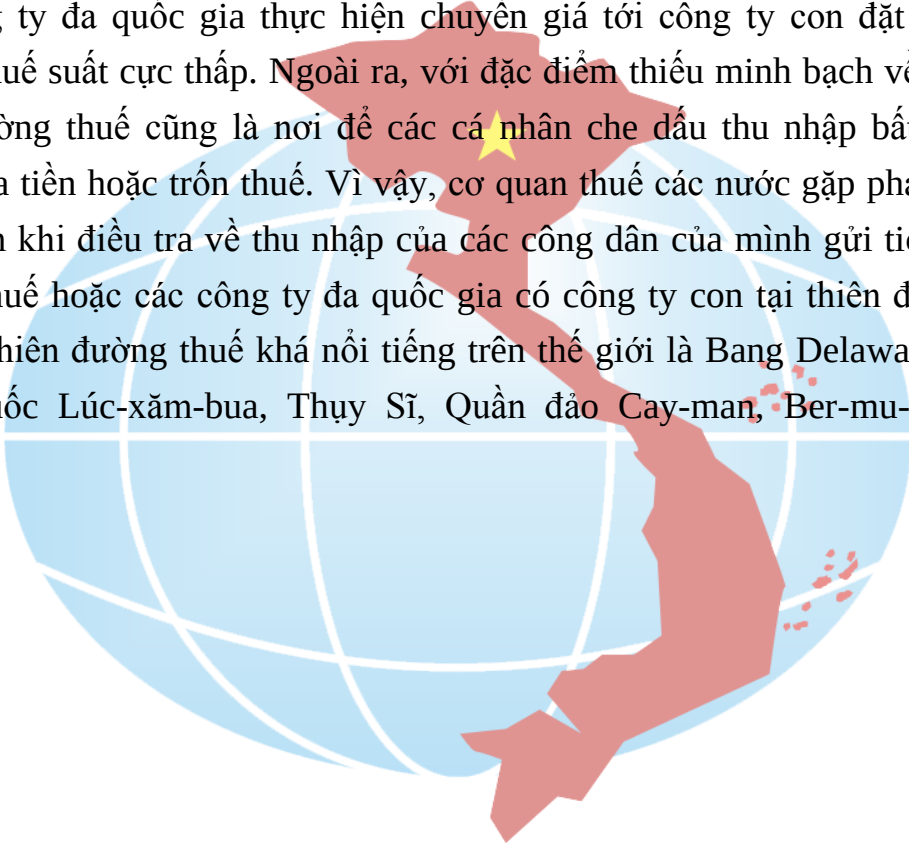
Ảnh hưởng của việc lợi dụng giá chuyển nhượng để trốn tránh thuế là rất lớn không chỉ về mặt kinh tế mà còn là sự xem thường các quy định pháp luật và tạo ra cạnh tranh bất bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Vì vậy, giá chuyển nhượng luôn là mối quan tâm của các cơ quan thuế và các công ty đa quốc gia vì nó đóng vai trò quan trọng trong việc phân chia thu nhập và lợi tức khi xác định nghĩa vụ thuế thu nhập ở từng quốc gia. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới bao gồm Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Úc, Mỹ và Nhật Bản đã thông qua pháp luật về chuyển giá mới, hoặc sửa đổi và làm mạnh thêm luật pháp về chuyển giá đang tồn tại. Hầu hết các nước có nền kinh tế mới nổi như Trung quốc, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái lan, Slô-ve-ni-a, Bra-xin... từ năm 2000 đã bắt tay vào việc ban hành các chế độ chính sách và tăng cường quản lý về giá chuyển nhượng nhằm ngăn chặn tình trạng có tới 70-75% doanh nghiệp đầu tư nước ngoài kê khai bị lỗ mà nguyên nhân chính là gian lận về thuế thu nhập doanh nghiệp qua giá chuyển nhượng (mặc dù doanh thu và thị phần vẫn ngày càng được mở rộng).

Nguyên tắc phổ biến nhất được các tổ chức quốc tế, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan thuế áp dụng để ngăn chặn tình trạng lợi dụng "giá chuyển nhượng" và bảo vệ cơ sở tính thuế (nguồn thu) là nguyên tắc "giá thị trường" (market price) hay "nguyên tắc giao dịch độc lập" (arm's length principle). Hai khuynh hướng dẫn đầu về giá chuyển nhượng là OECD và Mỹ.

b) Vấn đề thiên đường thuế

Thiên đường thuế là nơi có đặc điểm: áp thuế quá thấp hoặc không áp thuế; thiếu sự minh bạch trong việc áp dụng luật thuế, thiếu sự trao đổi thông tin với

các cơ quan, tổ chức có chức năng khác; các thông tin tài chính cá nhân được bảo mật. Các thiên đường thuế thường chỉ là những quốc gia có diện tích rất nhỏ, dân số ít nhưng tập trung một số lượng lớn các công ty trên toàn thế giới đăng ký hoạt động. Các công ty này phần lớn không có hoặc có rất ít nhân viên làm việc và chỉ hoạt động dưới hình thức một địa chỉ bưu điện. Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ đã thúc đẩy quá trình tự do di chuyển vốn và dịch chuyển người. Thiên đường thuế trở thành nơi lý tưởng để các công ty đa quốc gia thực hiện chuyển giá tới công ty con đặt tại đây và hưởng thuế suất cực thấp. Ngoài ra, với đặc điểm thiếu minh bạch về thông tin, thiên đường thuế cũng là nơi để các cá nhân che giấu thu nhập bất hợp pháp nhằm rửa tiền hoặc trốn thuế. Vì vậy, cơ quan thuế các nước gặp phải rất nhiều khó khăn khi điều tra về thu nhập của các công dân của mình gửi tiền tại thiên đường thuế hoặc các công ty đa quốc gia có công ty con tại thiên đường thuế. Một số thiên đường thuế khá nổi tiếng trên thế giới là Bang Delaware của Mỹ, Công quốc Lúc-xăm-bua, Thụy Sĩ, Quần đảo Cay-man, Ber-mu-đa, Hồng Kông...



TTBD ĐBDC

